

Số: 52 /TB.CT

Đồng Nai, ngày 15 tháng 4 năm 2025

**THÔNG BÁO**  
**Về việc lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản.**

- Căn cứ Luật đấu giá tài sản số 01/2016/QH14 ngày 17/11/2016;
- Căn cứ thông tư số 19/2024/TT-BTP ngày 31/12/2024 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật đấu giá tài sản số 01/2016/QH14 được sửa đổi, bổ sung một số điều theo luật số 37/2024/QH15;
- Căn cứ quyết định số 21/QĐ.CT ngày 22/11/2024 của Tổng giám đốc Công ty về việc thành lập Hội đồng thanh lý bán đấu giá tài sản, nhà xưởng, phương tiện vận tải không cần dùng của Công ty Donafoods;
- Căn cứ công văn số 45/CV.CT ngày 20/3/2025 và Nghị quyết số 02.2025/NQ.HĐQT ngày 11/4/2025 của Hội đồng quản trị Công ty Donafoods về việc phê duyệt giá khởi điểm bán đấu giá tài sản.

Công ty cổ phần Chế biến Xuất nhập khẩu Nông sản Thực phẩm Đồng Nai thông báo về việc lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản như sau:

**1. Tên và địa chỉ của tổ chức có tài sản đấu giá:**

- Tên Công ty: Công ty cổ phần Chế biến Xuất nhập khẩu Nông sản Thực phẩm Đồng Nai (tên viết tắt: Donafoods)
- MST: 3600268170
- Địa chỉ: Số 647, Xa lộ Hà Nội, Phường Long Bình, Tp. Biên Hòa, Đồng Nai.
- Điện thoại: 02513. 892 577; Website: [www.donafoodsvietnam.com](http://www.donafoodsvietnam.com)

**2. Thông tin tài sản bán đấu giá:**

- Tên tài sản thanh lý bán đấu giá gồm: Nhà xưởng, máy móc thiết bị (hệ thống điều hòa nhiệt độ, băng tải, máy thổi café, trạm biến áp...); phương tiện vận tải của Công ty Donafoods.

**3. Giá khởi điểm của tài sản bán đấu giá: 2.461.800.000 đồng.**

(Bằng chữ: Hai tỷ, bốn trăm sáu mươi một triệu, tám trăm ngàn đồng chẵn).  
Giá trên đã bao gồm thuế GTGT.

- Chi tiết giá khởi điểm của 9 lô tài sản như sau:

| Lô tài sản                                        | Giá khởi điểm của tài sản để đấu giá (đồng) | Ghi chú                                                                                                                |
|---------------------------------------------------|---------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Lô số 01 (Nhà xưởng, máy móc thiết bị Long Khánh) | 1.369.500.000                               | Địa chỉ nơi để tài sản: Nhà máy Long Khánh. Số 565, đường 21/4, KP3, Phường Xuân Bình, Tp. Long Khánh, tỉnh Đồng Nai). |
| Lô số 02 (máy điều hòa, máy phô tô...)            | 45.100.000                                  | Địa chỉ nơi để tài sản: Nhà máy Long Bình. Số 647, Xa lộ Hà Nội, P. Long Bình, Tp. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.            |
| Lô số 03 (máy thổi cafe )                         | 69.300.000                                  |                                                                                                                        |
| Lô số 04 (Băng tải dài 10m)                       | 20.900.000                                  |                                                                                                                        |
| Lô số 5 (Xe ô tô 16 chỗ Toyota 60M-7937)          | 50.600.000                                  |                                                                                                                        |
| Lô số 6 (Xe ô tô 4 chỗ Ford 60A-04247)            | 66.000.000                                  |                                                                                                                        |
| Lô số 7 (Xe ô tô 4 chỗ Vios 60M -1017)            | 58.300.000                                  |                                                                                                                        |
| Lô số 8 (Xe ô tô 7 chỗ Toyota 60A-02168)          | 694.100.000                                 |                                                                                                                        |
| Lô số 9 (Xe ô tô tải Isuzu 4,3 tấn 60S-0565)      | 88.000.000                                  |                                                                                                                        |
| <b>Tổng cộng (lô 1- lô 9)</b>                     | <b>2.461.800.000</b>                        |                                                                                                                        |

- Giá khởi điểm – là giá bán tối thiểu của tài sản trên, đã bao gồm thuế GTGT và chưa bao gồm chi phí vận chuyển, tháo dỡ tài sản.

- Đơn vị trúng đấu giá có trách nhiệm thanh toán các khoản thuế, lệ phí, chi phí tháo dỡ, vận chuyển, di dời tài sản, nhà xưởng, máy móc thiết bị, dọn dẹp mặt bằng...

#### 4. Tiêu chí lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản:

Các tổ chức đấu giá tài sản phải đáp ứng các tiêu chí tại khoản 4 Điều 56 Luật Đấu giá tài sản số 01/2016/QH14 ngày 17/11/2016 và Thông tư số 19/2024/TT-BTP ngày 31/12/2024 của Bộ Tư pháp, cụ thể như sau:

| TT        | NỘI DUNG                                                                                  | MỨC TỐI ĐA         |
|-----------|-------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|
| <b>I</b>  | <b>Có tên trong danh sách các tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố</b> |                    |
| 1.        | Có tên trong danh sách tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố            | Đủ điều kiện       |
| 2.        | Không có tên trong danh sách tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố      | Không đủ điều kiện |
| <b>II</b> | <b>Cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc</b>                          | <b>19</b>          |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                            |     |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|
|     | <b>đấu giá đối với loại tài sản đấu giá</b>                                                                                                                                                                                                                                |     |
| 1.  | <b>Cơ sở vật chất bảo đảm cho việc đấu giá</b>                                                                                                                                                                                                                             | 10  |
| 1.1 | Có địa chỉ trụ sở ổn định, rõ ràng (số điện thoại, địa chỉ thư điện tử...), trụ sở có đủ diện tích làm việc                                                                                                                                                                | 5   |
| 1.2 | Địa điểm bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá công khai, thuận tiện                                                                                                                                                                                                       | 5   |
| 2.  | <b>Trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá</b>                                                                                                                                                                                                                   | 5   |
| 2.1 | Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại trụ sở tổ chức hành nghề đấu giá tài sản khi bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá (có thể được trích xuất, lưu theo hồ sơ đấu giá)                                                                                 | 2   |
| 2.2 | Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại nơi tổ chức phiên đấu giá (được trích xuất, lưu theo hồ sơ đấu giá)                                                                                                                                                 | 3   |
| 3.  | Có trang thông tin điện tử của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản đang hoạt động ổn định, được cập nhật thường xuyên<br>Đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản thì dùng Trang thông tin điện tử độc lập hoặc Trang thông tin thuộc Cổng Thông tin điện tử của Sở Tư pháp | 2   |
| 4.  | Có Trang thông tin đấu giá trực tuyến được phê duyệt hoặc trong năm trước liền kề đã thực hiện ít nhất 01 cuộc đấu giá bằng hình thức trực tuyến                                                                                                                           | 1   |
| 5.  | Có nơi lưu trữ hồ sơ đấu giá                                                                                                                                                                                                                                               | 1   |
| III | <b>Phương án đấu giá khả thi, hiệu quả (Thuyết minh đầy đủ các nội dung trong phương án)</b>                                                                                                                                                                               | 16  |
| 1.  | <b>Phương án đấu giá đề xuất được hình thức đấu giá, bước giá, số vòng đấu giá có tính khả thi và hiệu quả cao</b>                                                                                                                                                         | 4,0 |
| 1.1 | Hình thức đấu giá khả thi, hiệu quả                                                                                                                                                                                                                                        | 2,0 |
| 1.2 | Bước giá, số vòng đấu giá khả thi, hiệu quả                                                                                                                                                                                                                                | 2,0 |
| 2.  | <b>Phương án đấu giá đề xuất việc bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá công khai, khả thi, thuận tiện (địa điểm, phương thức bán, tiếp nhận hồ sơ)</b>                                                                                                                    | 4,0 |
| 3.  | <b>Phương án đấu giá đề xuất được đối tượng và điều kiện tham gia đấu giá phù hợp với tài sản đấu giá</b>                                                                                                                                                                  | 4,0 |
| 3.1 | Đối tượng theo đúng quy định của pháp luật                                                                                                                                                                                                                                 | 2,0 |
| 3.2 | Điều kiện tham gia đấu giá phù hợp với quy định pháp luật áp dụng đối với tài sản đấu giá                                                                                                                                                                                  | 2,0 |



|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |     |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|
| 4.  | <i>Phương án đấu giá đề xuất giải pháp giám sát việc tổ chức đấu giá hiệu quả; chống thông đồng, đùm giá, bảo đảm an toàn, an ninh trật tự của phiên đấu giá</i>                                                                                                                                                                                                                                                     | 4,0 |
| IV  | Năng lực, kinh nghiệm và uy tín của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 57  |
| 1.  | <i>Tổng số cuộc đấu giá đã tổ chức trong năm trước liền kề (bao gồm cả cuộc đấu giá thành và cuộc đấu giá không thành)</i><br>Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.                                                                                                                                                                                                                                             | 15  |
| 1.1 | <i>Dưới 20 cuộc đấu giá</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 12  |
| 1.2 | <i>Từ 20 cuộc đấu giá đến dưới 40 cuộc đấu giá</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 13  |
| 1.3 | <i>Từ 40 cuộc đấu giá đến dưới 70 cuộc đấu giá</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 14  |
| 1.4 | <i>Từ 70 cuộc đấu giá trở lên</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 15  |
| 2.  | <i>Tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề</i><br>Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 7   |
| 2.1 | <i>Dưới 10 cuộc đấu giá thành (bao gồm cả trường hợp không có cuộc đấu giá thành nào)</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4   |
| 2.2 | <i>Từ 10 cuộc đấu giá thành đến dưới 30 cuộc đấu giá thành</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 5   |
| 2.3 | <i>Từ 30 cuộc đấu giá thành đến dưới 50 cuộc đấu giá thành</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 6   |
| 2.4 | <i>Từ 50 cuộc đấu giá thành trở lên</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 7   |
| 3.  | <i>Tổng số cuộc đấu giá thành có chênh lệch giữa giá trúng so với giá khởi điểm trong năm trước liền kề (Người có tài sản không yêu cầu nộp hoặc cung cấp bản chính hoặc bản sao hợp đồng, quy chế cuộc đấu giá và các tài liệu có liên quan)</i><br>Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.                                                                                                                      | 7   |
| 3.1 | <i>Dưới 10 cuộc (bao gồm cả trường hợp không có chênh lệch)</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4   |
| 3.2 | <i>Từ 10 cuộc đến dưới 30 cuộc</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 5   |
| 3.3 | <i>Từ 30 cuộc đến dưới 50 cuộc</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 6   |
| 3.4 | <i>Từ 50 cuộc trở lên</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 7   |
| 4.  | <i>Tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên (Người có tài sản đấu giá không yêu cầu nộp bản chính hoặc bản sao hợp đồng)</i><br>Người có tài sản chấm điểm theo cách thức dưới đây. Trường hợp kết quả điểm là số thập phân thì được làm tròn đến hàng phần trăm. Trường hợp số điểm của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản dưới 1 điểm (bao gồm cả trường hợp 0 điểm) thì | 3   |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |   |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|
|     | được tính là 1 điểm.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |   |
| 4.1 | Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản (A) có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên nhiều nhất (Y cuộc) thì được tối đa 3 điểm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 3 |
| 4.2 | Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản (B) có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên thấp hơn liền kề (U cuộc) thì số điểm được tính theo công thức:<br><br>Số điểm của B = $(U \times 3)/Y$                                                                                                                                                                                                                                                               |   |
| 4.3 | Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản (C) có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên thấp hơn liền kề tiếp theo (V cuộc) thì số điểm được tính tương tự theo công thức nêu trên: Số điểm của C = $(V \times 3)/Y$                                                                                                                                                                                                                                          |   |
| 5.  | Thời gian hoạt động trong lĩnh vực đấu giá tài sản tính từ thời điểm có Quyết định thành lập hoặc được cấp Giấy đăng ký hoạt động (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với doanh nghiệp đấu giá tài sản được thành lập trước ngày Luật đấu giá tài sản có hiệu lực)<br><br>Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.                                                                                                                                                                           | 7 |
| 5.1 | Có thời gian hoạt động dưới 05 năm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4 |
| 5.2 | Có thời gian hoạt động từ 05 năm đến dưới 10 năm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 5 |
| 5.3 | Có thời gian hoạt động từ 10 năm đến dưới 15 năm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 6 |
| 5.4 | Có thời gian hoạt động từ 15 năm trở lên                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 7 |
| 6.  | Số lượng đấu giá viên của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản<br><br>Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4 |
| 6.1 | 01 đấu giá viên                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 2 |
| 6.2 | Từ 02 đến dưới 05 đấu giá viên                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 3 |
| 6.3 | Từ 05 đấu giá viên trở lên                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4 |
| 7.  | Kinh nghiệm hành nghề của đấu giá viên là Giám đốc Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản, Tổng giám đốc hoặc Giám đốc của Công ty đấu giá hợp danh, Giám đốc doanh nghiệp tư nhân (Tính từ thời điểm được cấp Thẻ đấu giá viên theo Nghị định số 05/2005/NĐ-CP ngày 18/01/2005 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc đăng ký danh sách đấu giá viên tại Sở Tư pháp theo Nghị định số 17/2010/NĐ-CP ngày 04/3/2010 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc Thẻ đấu giá viên theo Luật đấu giá tài | 4 |



|                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |           |
|---------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|
|                     | <i>sản hoặc thông tin về danh sách đấu giá viên trong Giấy đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đấu giá tài sản)</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |           |
|                     | Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |           |
| 7.1                 | Dưới 05 năm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 2         |
| 7.2                 | Từ 05 năm đến dưới 10 năm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 3         |
| 7.3                 | Từ 10 năm trở lên                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4         |
| 8.                  | <b>Kinh nghiệm của đấu giá viên hành nghề</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 5         |
|                     | Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |           |
| 8.1                 | Không có đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 3         |
| 8.2                 | Có từ 01 đến 03 đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4         |
| 8.3                 | Có từ 4 đấu giá viên trở lên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 5         |
| 9.                  | <b>Số thuế thu nhập doanh nghiệp hoặc khoản tiền nộp vào ngân sách Nhà nước đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản trong năm trước liền kề, trừ thuế giá trị gia tăng (Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo Tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp trong báo cáo tài chính và số thuế thực nộp được cơ quan thuế xác nhận bằng chứng từ điện tử; đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản thì có văn bản về việc thực hiện nghĩa vụ thuế với ngân sách Nhà nước)</b> | 5         |
|                     | Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |           |
| 9.1                 | Dưới 50 triệu đồng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 3         |
| 9.2                 | Từ 50 triệu đồng đến dưới 100 triệu đồng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4         |
| 9.3                 | Từ 100 triệu đồng trở lên                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 5         |
| V                   | <b>Tiêu chí khác phù hợp với tài sản đấu giá do người có tài sản đấu giá quyết định</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 3         |
| 1                   | <b>Tiêu chí khác:</b> Tổ chức đấu giá có số lượng đấu giá thành công nhiều loại tài sản năm 2023 và 2024 nhất.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 3         |
| <b>Tổng số điểm</b> |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | <b>95</b> |

**5. Số lượng, thời gian, địa điểm nộp hồ sơ đăng ký tham gia tổ chức đấu giá tài sản:**

- **Số lượng hồ sơ đăng ký tham gia đấu giá:** Mỗi đơn vị đăng ký tham gia nộp 01 bộ hồ sơ phải còn nguyên niêm phong.

- **Thời gian nhận hồ sơ** (trong giờ hành chính): Trong thời gian 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày đăng thông báo này.

- **Địa điểm nộp hồ sơ đăng ký:** Công ty cổ phần Chế biến Xuất nhập khẩu Nông sản Thực phẩm Đồng Nai (Donafoods). Địa chỉ: Số 647, Xa lộ Hà Nội, Khu phố 2, Phường Long Bình, Tp. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Điện thoại liên hệ: 02513 892578; 0988 957 831 (Chị Hải)

Hoặc 0869 061 167 (Chị Tú- Phòng Tổ chức hành chính)

**\*Lưu ý:** Hồ sơ đăng ký tham gia hành nghề đấu giá tài sản phải được trình bày rõ ràng, đầy đủ, khoa học, trình tự và tự chấm điểm cho các tiêu chí lựa chọn nêu trên tại thông báo này. Những trường hợp không được lựa chọn, Donafoods sẽ không hoàn lại hồ sơ

Công ty Donafoods trân trọng thông báo để các tổ chức cung cấp dịch vụ đấu giá tài sản biết và đăng ký tham gia theo quy định./.

**Nơi nhận:**

- Cổng thông tin điện tử quốc gia (đăng thông tin);
- Website DNF;
- HĐQT, BKS; BĐH Cty;
- Hội đồng TLTS Cty;
- Các phòng nghiệp vụ, nhà máy;
- Lưu VT.DNF.

**TỔNG GIÁM ĐỐC**



**Võ Trung Thành**

